

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 05 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 651/TTr-STC ngày 08 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. ✓

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người nộp lệ phí trước bạ.
- b) Cơ quan thuế.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà

Giá tính lệ phí trước bạ đối với 01 mét vuông nhà xây dựng mới được xác định theo Phụ lục đính kèm.

Trường hợp giá nhà tại hợp đồng mua bán cao hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà là giá tại hợp đồng mua bán nhà. Trường hợp giá nhà tại hợp đồng mua bán thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà là giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về xây dựng tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ.

Điều 3. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ

1. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ được xác định cụ thể như sau:

Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ = 100% - Thời gian đã sử dụng nhà (năm) x Tỷ lệ hao mòn nhà theo từng cấp nhà (%/năm).

Trong đó:

- Tỷ lệ hao mòn nhà theo từng cấp nhà được quy định cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà Biệt thự: 1,25%/năm.

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà cấp I: 1,25%/năm.

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà cấp II: 2%/năm.

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà cấp III: 4%/năm.

+ Tỷ lệ hao mòn đối với nhà cấp IV: 6,67%/năm.

- Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng hoàn thành và bàn giao nhà thì người kê khai nộp lệ phí trước bạ tự xác định thời gian đã sử dụng của nhà, thực hiện kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai của mình. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính theo năm (đủ 12 tháng). Trong trường hợp thời gian đã sử dụng của nhà có tháng lẻ ít hơn hoặc bằng 06 tháng được tính bằng 1/2 năm, trên 06 tháng được tính bằng 01 năm.

Đối với nhà đã hết thời gian tính hao mòn theo quy định nhưng còn sử dụng ✓

dụng được thì tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà bằng tỷ lệ hao mòn nhà trên 01 năm (%/năm) theo từng cấp nhà quy định tại khoản này.

2. Việc xác định cấp, loại nhà thực hiện theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và hồ sơ pháp lý liên quan về nhà kèm theo hồ sơ kê khai của người nộp thuế.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ¹⁵ tháng 4 năm 2023.

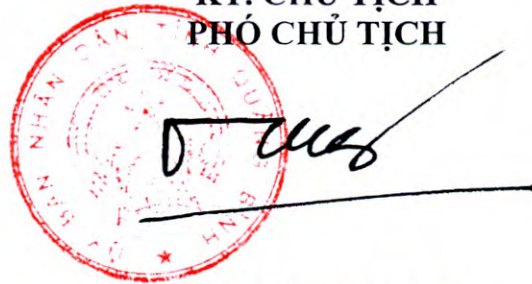
Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Quản lý Giá (Bộ Tài chính);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Quảng Bình;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng



Phụ lục
BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ ĐỐI VỚI NHÀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
1	Nhà ở		
1.1	<p>- Nhà biệt thự:</p> <ul style="list-style-type: none">- Được thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn biệt thự:+ Nhà có 3 phía trở lên tiếp xúc với sân vườn, được thiết kế tạo dáng kiến trúc.+ Nhà hai tầng trở lên.+ Kết cấu móng BTCT kết hợp xây gạch hoặc đá học.+ Kết cấu phân thân: Khung bê tông cốt thép chịu lực, dầm, sàn, sàn mái bê tông cốt thép, mái lợp ngói Hạ Long hoặc các loại vật liệu cao cấp khác.+ Tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng $\geq 3,6m$. Trần nhà đóng bằng gỗ hoặc thạch cao hoặc tấm trần chuyên dụng cao cấp chiếm $\geq 50\%$ diện tích trần toàn nhà. Chân tường ốp đá cao cấp cùng loại với nền. Phần tường, trần trong nhà còn lại bả ma tít, sơn cao cấp.+ Tường, trụ ngoài nhà được bả ma tít + sơn chống thấm.+ Nền nhà lát gạch Granit nhân tạo trở lên.+ Cửa gỗ khuôn ngoại cả tường hoặc các loại cửa cao cấp khác.+ Bậc cầu thang lát đá Granit tự nhiên hoặc lát gỗ hoặc các loại vật liệu hoàn thiện cao cấp khác. Lan can cầu thang bằng gỗ, hoặc kính cường lực hoặc các loại vật liệu cao cấp khác.+ Hệ thống điện đi chìm tường và trần, hệ thống cấp thoát nước đồng bộ; thiết bị điện và vệ sinh cao cấp.+ Bếp khép kín trong nhà đầy đủ các tiện nghi, hiện đại.+ Khu vệ sinh khép kín từng tầng, và chiếm số lượng lớn hơn 75% số phòng ngủ.	đồng/m ² xây dựng	8.349.000

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
1.2	<p>- Nhà hai tầng trở lên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết cấu móng bê tông cốt thép kết hợp xây đá hộc hoặc gạch. + Kết cấu phần thân: Khung, dầm, sàn bê tông cốt thép chịu lực. + Phần mái: phần mái xây tường thu hồi, trên lợp ngói thường, tôn.v.v... + Tường xây bao che bằng gạch dày 22cm tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng $\geq 3,6m$. + Trần nhà đóng bằng gỗ hoặc trần thạch cao, diện tích chiếm $\geq 30\%$ diện tích trần toàn nhà. Chân tường ốp đá cùng loại với nền. Phần tường, trần trong nhà còn lại bả ma tít và sơn cao cấp. + Mặt chính phía ngoài bả ma tít + sơn chống thấm. + Nền lát gạch Granit nhân tạo. + Cửa gỗ khuôn ngoài cả tường hoặc các loại cửa cao cấp khác. + Bậc cầu thang lát đá Granit tự nhiên; lan can cầu thang bằng gỗ, hoặc kính cường lực hoặc các loại vật liệu cao cấp khác. + Hệ thống điện đi chìm tường trần, hệ thống cấp thoát nước đồng bộ; thiết bị điện và vệ sinh cao cấp. + Bếp khép kín trong nhà đầy đủ các tiện nghi, hiện đại; + Khu vệ sinh khép kín từng tầng. 	đồng/m ² xây dựng	7.348.000
1.3	<p>- Nhà hai tầng trở lên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết cấu móng bê tông cốt thép kết hợp xây đá hộc. + Kết cấu phần thân: Khung, dầm sàn bê tông cốt thép chịu lực, tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng $\geq 3,6m$. + Mái bằng bê tông cốt thép, xây tường thu hồi, trên lợp ngói thường hoặc tôn.v.v... + Cửa gỗ khuôn ngoài cả tường hoặc các loại cửa thông thường khác. + Tường mặt chính bả ma tít + sơn chống 	đồng/m ² xây dựng	6.534.000

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	<p>thấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tường trong nhà và trần nhà sơn 3 lớp không bả. Chân tường ốp cùng loại vật liệu với nền. + Bậc cầu thang lát đá granit các loại; lan can cầu thang bằng sắt, inox, kính cường lực hoặc gỗ. + Nền lát gạch Granit nhân tạo hoặc gạch Ceramic loại cao cấp. + Hệ thống điện đi chìm tường, trần; hệ thống cấp thoát nước đồng bộ. + Khu vệ sinh khép kín từng tầng. + Bếp khép kín trong nhà, đầy đủ tiện nghi. 		
1.4	<p>- Nhà hai tầng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Móng bê tông cốt thép, kết hợp móng tường xây đá hộc. + Kết cấu phần thân: Cột, dầm, sàn bê tông cốt thép kết hợp tường chịu lực. + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày $\geq 15\text{cm}$ tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng $\geq 3,6\text{m}$. + Mái bằng bê tông cốt thép; xây tường thu hồi, trên lợp ngói thường hoặc hệ xà gỗ, tôn lạnh.v.v... + Tường mặt chính bả ma tít + sơn chống thấm. + Tường trong nhà và trần nhà sơn 3 lớp không bả. Chân tường ốp cùng loại vật liệu với nền. + Nền lát gạch Ceramic loại cao cấp. + Cửa gỗ lớp có khuôn ngoại hoặc các loại cửa khác. + Cầu thang lát đá tự nhiên hoặc gạch, có lan can cầu thang. + Có khu vệ sinh và bếp khép kín trong nhà; + Hệ thống điện đi chìm tường trần, hệ thống cấp thoát nước đồng bộ; thiết bị điện, vệ sinh trang bị mức trung bình. 	đồng/m ² xây dựng	5.995.000
1.5	<p>- Nhà một tầng đến hai tầng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Móng bê tông cốt thép, kết hợp móng 		

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	<p>tường xây đá hộc.</p> <p>+ Kết cấu phần thân: Cột, dầm, sàn bê tông cốt thép kết hợp tường chịu lực.</p> <p>+ Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày $\geq 15\text{cm}$ tô trát hoàn chỉnh.</p> <p>+ Mái bằng bê tông cốt thép, xây tường thu hồi, trên lợp ngói thường hoặc tôn.v.v...</p> <p>+ Tường, trần quét sơn không bả.</p> <p>+ Nền lát gạch men Ceramic.</p> <p>+ Cửa gỗ khuôn ngoài nửa tường hoặc không có khuôn ngoài hoặc các loại cửa khác.</p> <p>+ Cầu thang lát đá tự nhiên hoặc mài granito hoặc lát gạch; có lan can cầu thang (tiêu chí này chỉ áp dụng cho nhà 2 tầng).</p> <p>+ Có khu vệ sinh và bếp đầy đủ trong nhà;</p> <p>+ Hệ thống điện, nước đầy đủ.</p>	đồng/m ² xây dựng	5.264.000
1.6	<p>- Nhà một tầng (3 - 5 gian, phòng lòi) mái lợp ngói hoặc tôn</p> <p>+ Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây đá hộc.</p> <p>+ Cột, giằng, xà (dầm) bê tông cốt thép.</p> <p>+ Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày $\geq 15\text{cm}$ tô trát hoàn chỉnh.</p> <p>+ Mái lợp ngói hoặc tôn chống nóng, phần mái hiên nhà và phòng lòi đổ bằng bê tông cốt thép.</p> <p>+ Cửa gỗ nhóm 2, nhóm 3 khuôn ngoài nửa tường hoặc không có khuôn ngoài, hoặc các loại cửa khác.</p> <p>+ Tường quét sơn không bả.</p> <p>+ Nền lát gạch Ceramic.</p> <p>+ Khu vệ sinh và bếp ngoài nhà (được tính riêng).</p> <p>+ Hệ thống điện chiếu sáng đầy đủ.</p>	đồng/m ² xây dựng	4.263.000
1.7	<p>- Nhà một tầng (3 - 5 gian, phòng lòi) mái lợp ngói hoặc tôn</p> <p>+ Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây đá hộc.</p> <p>+ Cột, giằng, xà (dầm) bê tông cốt thép.</p>	đồng/m ² xây dựng	3.630.000

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày ≥ 15cm tô trát hoàn chỉnh. + Phần mái hiên nhà và phòng lòi đồ bằng bê tông cốt thép. + Cửa gỗ nhóm 2, nhóm 3 không có khuôn ngoại hoặc các loại cửa khác. + Tường quét sơn không bả. + Nền lát gạch hoa xi măng hoặc gạch Ceramic. + Khu vệ sinh và bếp ngoài nhà (được tính riêng). + Hệ thống điện chiếu sáng đầy đủ. 		
1.8	<p>- Nhà một tầng, sườn gỗ 3 gian + phòng lòi, mái lợp ngói hoặc tôn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà kết cấu khung gỗ (cột, rường, xà, kèo.v.v... bằng gỗ nhóm 2 hoặc nhóm 3). + Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây đá hộc. + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày ≥ 15cm tô trát hoàn chỉnh, cao 3,0m (tường phía sau), bả trụ bê tông cốt thép, quét sơn không bả. + Hiên nhà và phòng lòi đồ bằng bê tông cốt thép. + Nền láng xi măng hoặc gạch hoa xi măng. + Cửa gỗ nhóm 3 không có khuôn ngoại hoặc các loại cửa khác. + Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài kết cấu nhà (được tính riêng). + Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ. 	đồng/m ² xây dựng	3.410.000
1.9	<p>- Nhà một tầng, sườn gỗ 3 gian + phòng lòi, mái lợp ngói hoặc tôn</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhà kết cấu khung gỗ (cột, rường, xà, kèo.v.v... bằng gỗ nhóm 3). + Móng tường xây đá hộc. + Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày ≥ 15cm tô trát hoàn chỉnh, cao 3,0m (tường phía sau), không bả trụ bê tông cốt 	đồng/m ² xây dựng	2.937.000

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	<p>thép, quét sơn không bả.</p> <p>+ Hiên nhà đổ bằng bê tông cốt thép.</p> <p>+ Nền láng xi măng.</p> <p>+ Cửa gỗ nhóm 3 không có khuôn ngoại hoặc các loại cửa khác.</p> <p>+ Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài kết cấu nhà (được tính riêng).</p> <p>+ Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ.</p>		
1.10	<p>- Nhà một tầng, nhiều gian mái lợp ngói hoặc tôn</p> <p>+ Nhà kết cấu tường xây gạch hoặc bê tông dày $\geq 15\text{cm}$ tô trát hoàn chỉnh, có trụ bê tông cốt thép gia cố.</p> <p>+ Móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây đá hộc.</p> <p>+ Tường nhà quét sơn không bả.</p> <p>+ Mái lợp ngói không đóng trần.</p> <p>+ Nền láng xi măng.</p> <p>+ Cửa panô đơn giản hoặc ván ghép gỗ nhóm 3.</p> <p>+ Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài nhà (được tính riêng).</p> <p>+ Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ.</p>	đồng/m ² xây dựng	2.651.000
1.11	<p>- Nhà một tầng, khung gỗ, mái lợp ngói hoặc tôn</p> <p>+ Nhà kết cấu khung gỗ nhóm 3 chất lượng, hình thức bình thường.</p> <p>+ Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày 15cm tô trát hoàn chỉnh, quét sơn không bả.</p> <p>+ Nền láng xi măng.</p> <p>+ Cửa pa nô đơn giản hoặc ván ghép gỗ nhóm 4, nhóm 5.</p> <p>+ Bếp, nhà vệ sinh nằm ngoài nhà (được tính riêng).</p> <p>+ Hệ thống điện chiếu sáng trong nhà đầy đủ.</p>	đồng/m ² xây dựng	2.464.000

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
1.12	<p>- Nhà kết cấu sườn gỗ, cửa đơn giản gỗ nhóm 4, nhóm 5, nhóm 6.</p> <p>+ Mái lợp ngói hoặc tôn.</p> <p>+ Tường xây bao che bằng gạch hoặc bê tông dày 15cm tô trát hoàn chỉnh, quét vôi hoặc tường ván ghép gỗ nhóm 2, 3.</p> <p>+ Nền láng xi măng.</p>	đồng/m ² xây dựng	2.277.000
1.13	<p>- Nhà kết cấu sườn gỗ, cửa đơn giản gỗ nhóm 5, nhóm 6.</p> <p>+ Mái lợp tôn hoặc fibro xi măng (trường hợp lợp ngói được tính bù).</p> <p>+ Xung quanh bao che bằng ván, gỗ nhóm 3, nhóm 4, nhóm 5.</p> <p>+ Nền láng xi măng.</p>	đồng/m ² xây dựng	1.727.000
1.14	<p>- Nhà phụ, nhà tạm, xung quanh xây đơn giản cao</p> <p>+ Cửa ván ghép các loại, nền láng xi măng.</p> <p>+ Mái lợp tôn hoặc fibro xi măng (trường hợp lợp ngói được tính bù).</p>	đồng/m ² xây dựng	1.353.000
1.15	<p>- Nhà kết cấu gỗ tròn (bất cập phân) các loại, bao che xung quanh phen đất, hoặc nửa, lá.</p> <p>+ Mái lợp fibrô xi măng (trường hợp mái ngói, mái tôn đơn giá được tính bù).</p> <p>+ Cửa gỗ loại đơn giản, hoặc ván ghép.</p> <p>+ Nền đất.</p>	đồng/m ² xây dựng	985.000
1.16	Nhà phụ, nhà tạm, kết cấu bằng tranh, tre, nửa, lá; cửa tạm, đơn giản hoặc không cửa; nền đất; bao che xung quanh bằng cốt hoặc tranh lá.	đồng/m ² xây dựng	743.000
2	Nhà kho hoặc các loại kết cấu dạng nhà khác		
2.1	Kho khung thép, tường xung quanh xây gạch, bổ trụ bê tông cốt thép, xà gồ thép, mái lợp tôn, cửa sắt xếp, nền bê tông trên láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	3.223.000
2.2	Kho xung quanh xây gạch cao, bổ trụ bê tông cốt thép, vì kèo + xà gồ thép, mái lợp tôn, cửa sắt xếp, nền bê tông trên láng xi	đồng/m ² xây dựng	2.651.000

TT	Loại nhà	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	mãng.		
2.3	Nhà kho thông thường trụ bê tông cốt thép, vì kèo bằng bê tông hoặc gỗ; xung quanh xây gạch, mái lợp tôn hoặc ngói, cửa sắt hoặc cửa đơn giản. Nền bê tông láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	1.892.000
2.4	Nhà kho thông thường xung quanh xây gạch, mái lợp tôn hoặc ngói, cửa sắt hoặc cửa gỗ đơn giản. Nền bê tông láng xi măng.	đồng/m ² xây dựng	1.815.000
3	Trụ sở làm việc		
	<ul style="list-style-type: none"> + Nhà 2 tầng hoặc nhiều tầng, kết cấu khung bê tông cốt thép chịu lực, móng trụ bê tông cốt thép, móng tường xây đá hộc. + Mái bê tông cốt thép, trên lợp ngói, kết cấu mái bằng gỗ nhóm 3 hoặc bằng thép. + Tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6m, tường trần trong nhà bả ma tít + sơn cao cấp. Mặt chính phía ngoài ốp các loại gạch trang trí cao cấp, diện tích còn lại bả ma tít + sơn. + Nền, sàn lát gạch Ceramic loại tốt. + Bậc cầu thang mài granitô hoặc lát đá Granit, lan can bằng gỗ nhóm 2. + Cửa gỗ nhóm 2 có khuôn ngoài cả tường nhóm 2. + Hệ thống điện đi chìm tường trần, hệ thống cấp nước thoát nước đồng bộ; thiết bị điện và vệ sinh cao cấp. Khu vệ sinh khép kín từng tầng, tường vệ sinh ốp gạch men sứ. 	đồng/m ² xây dựng	7.095.000